

Bản án số: 117/2019/HS-PT

Ngày: 10/4/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Kim Rết

Các thẩm phán: Ông Vũ Thế Phương

Bà Võ Thị Thanh Phương

-Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Minh – Thư ký Tòa án.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 63/2019/TLPT-HS ngày 18 tháng 02 năm 2019 đối với bị cáo Trần Thị Kim L, do có kháng cáo của bị cáo Trần Thị Kim L đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2019/HS-ST ngày 03-01-2019 của Tòa án nhân dân thành phố B.

Bị cáo kháng cáo:

Họ và tên: Trần Thị Kim L, giới tính: Nữ; tên gọi khác không; sinh năm 1982, tại Bình Thuận. Nơi cư trú khu phố 8, phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận; Quốc tịch Việt Nam; Dân tộc Kinh; tôn giáo Phật; Nghề nghiệp nội trợ; trình độ học vấn không biết chữ; họ tên cha Trần Văn Q (đã chết); họ tên mẹ Trần Thị N, sinh năm 1965; gia đình có 06 chị em, bị cáo là con thứ nhất; chồng tên Trần Đức N1, sinh năm 1980, đã ly hôn năm 2013. Bị cáo có 03 con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh tháng 4/2018 (L khai sinh với người Trung Quốc, hiện người con này đang sống ở Trung Quốc); tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo đầu thú ngày 21/7/2018, chuyển tạm giam theo Lệnh số 373 ngày 30/7/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thành phố B. Có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Ngô Thị Đ1, bị hại bà Võ Thị Mỹ L1 nhưng do không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị Kim L và Ngô Thị Đ1 có quan hệ quen biết nhau. Vào tháng 10/2016, L xuất cảnh sang tỉnh Hà Bắc, Trung Quốc sinh sống với 01 người phụ nữ Việt Nam tên Nguyễn Thị H (sinh 1988, hộ khẩu thường trú: KP2, phường L2, TP P, tỉnh Bình Thuận) đang sinh sống tại Trung Quốc nhưng không rõ địa chỉ. Để kiếm thêm tiền tiêu xài, H bàn bạc với L tìm cách dụ dỗ phụ nữ Việt Nam đưa sang Trung Quốc giao cho H để bán cho đàn ông Trung Quốc làm vợ, H sẽ trả công cho L 20.000.000đ/người, L đồng ý. Sau đó L móc nối với Ngô Thị Đ1 để tìm phụ nữ giao cho L đưa sang Trung Quốc làm vợ người Trung Quốc, L thỏa thuận trả công cho Đ1 5.000.000đ/người, Đ1 đồng ý. Sau khi thỏa thuận với L, Ngô Thị Đ1 chủ động làm quen với chị Võ Thị Mỹ L1 (sinh năm 1973, ngụ tại: 143A, ấp 1, tổ 3, xã A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai) và rủ rê chị L1 ra nước ngoài tìm kiếm việc làm. Đ1 nói dối với L1 là Đ1 có người em ở Hàn Quốc đang cần người hái trái cây, trả lương 30.000.000đ/tháng, nếu chị L1 có nhu cầu muốn đi thì Đ1 sẽ giới thiệu. Vì tưởng Ngô Thị Đ1 nói thật và muốn có việc làm thu nhập cao nên chị L1 đồng ý đi theo sự sắp đặt của Đ1.

Sau khi chị L1 nhận lời, Đ1 liên hệ với L và H ở Trung Quốc để được H hướng dẫn cách thức tổ chức cho L1 đi, đồng thời Đ1 kêu chị L1 đến nhà trọ của Đ1 ở phường Đ2, thành phố P, tỉnh Bình Thuận chơi. Tại đây, Đ1 dùng điện thoại chụp ảnh và các giấy tờ tùy thân của chị L1 gửi qua mạng Zalo sang Trung Quốc cho H xem.

Sau khi nhận được hình ảnh và thông tin của chị L1, H chấp nhận và dùng điện thoại hướng dẫn cho Đ1 cách chuẩn bị các thủ tục giấy tờ và định thời gian đưa chị L1 đi. Sáng ngày 19/12/2016, Đ1 đến nhà chị L1 chơi và thông báo cho chị L1 sắp xếp đồ đạc để chuẩn bị đi Hàn Quốc. Sáng 20/12/2018, Đ1 kêu anh Nguyễn Kim D (là chồng chị L1) chở chị L1 cùng đi với Đ1 đến sân bay Tân Sơn Nhất. Theo sự thỏa thuận trước với Nguyễn Thị H, khi đưa chị L1 đến sân bay thì Đ1 liên hệ với người phụ nữ tên Bé Hai (không rõ lai lịch) rồi giao chị L1 cho Bé Hai. Tiếp đó Bé Hai dẫn chị L1 vào làm thủ tục lên máy bay ra sân bay Nội Bài (Hà Nội). Khi đến sân bay Nội Bài thì chị L1 nghi ngờ và đòi quay trở về nhưng Bé Hai và khoảng 03 người đàn ông (không rõ lai lịch) dùng vũ lực và thuốc mê khống chế L1 lên xe ô tô đi bằng đường tiêu ngạch qua địa phận tỉnh Quảng Ninh để sang Trung Quốc rồi giao chị L1 lại cho H.

Khi đến nhà của H ở Trung Quốc, chị L1 van xin và chấp nhận trả tiền chuộc để được trở về Việt Nam nhưng H không chấp nhận. H móc nối để bán chị L1 cho 01 người đàn ông Trung Quốc làm vợ với giá 68.000 tệ (tiền Trung Quốc, tương đương khoảng 200.000.000 đồng Việt Nam). Sau khi nhận được số tiền này, H trả cho L 20.000.000đ bằng cách nhờ Trần Văn Hùng (sinh năm 1983, ngụ tại: khu 3, phường T, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh) chuyển tiền vào tài khoản của Trần Văn T (em ruột L). Sau đó L điện thoại nhờ T rút tiền đưa cho bà Trần Thị N2 (mẹ ruột L) đồng thời L điện thoại nhờ bà N2 giao cho Đ1 số tiền 8.000.000đ, trong đó có 5.000.000đ theo thỏa thuận và 3.000.000đ cho thêm.

Đến ngày 02/9/2017, chị Võ Thị Mỹ L1 được tổ chức Phi Chính phủ Rừng Xanh giải cứu từ Trung Quốc và đưa về Việt Nam. Ngày 25/6/2018, chị L1 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai trình báo, tố cáo hành vi của Trần Thị Kim L và Ngô Thị Đ1. Đến ngày 21/7/2018, Trần Thị Kim L và Ngô Thị Đ1 đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Vật chứng thu giữ: Đại diện gia đình bị cáo Trần Thị Kim L giao nộp 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) là tiền còn lại do H trả cho L gửi về Việt Nam.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Võ Thị Mỹ L1 yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 55.000.000đ bao gồm tổn hại sức khỏe 10.000.000đ, tổn thất tinh thần 13.000.000đ, bồi thường danh dự nhân phẩm 20.000.000đ, thu nhập bị mất 12.000.000đ, tổng cộng 55.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo L và Đ1 đồng ý bồi thường số tiền 55.000.000 đồng cho chị L1

-Tại bản án hình sự sơ thẩm số 03/2019/HS-ST ngày 03/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B quyết định: Tuyên bố các bị cáo Trần Thị Kim L, Ngô Thị Đ1 phạm tội “Mua bán người”.

Căn cứ điểm a, d khoản 2 Điều 150, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Kim L 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/7/2018 ; Bị cáo Ngô Thị Đ1 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/7/2018.

- Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự: Ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo, cụ thể như sau:

Bị cáo Trần Thị Kim L bồi thường cho chị Võ Thị Mỹ L1 số tiền 27.500.000đ (Hai mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

Bị cáo Ngô Thị Đ1 bồi thường cho chị Võ Thị Mỹ L1 số tiền 27.500.000đ (Hai mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

- Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố B tuyên:

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) là tiền thu lợi bất chính của Trần Thị Kim L (Biên lai thu tiền số 007446 ngày 29/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B).

Buộc Ngô Thị Đ1 nộp 8.000.000đ (tám triệu đồng) là tiền thu lợi bất chính để sung ngân sách Nhà nước.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 1.375.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án theo luật định.

- Ngày 04/01/2019, bị cáo Trần Thị Kim L có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Lý do: bản án sơ thẩm xét xử mức án quá nặng, bị cáo có 03 người con chưa thành niên, cháu nhỏ nhất mới 09 tháng tuổi, có mẹ già hay ốm đau bệnh tật nên bà đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị Kim L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- *Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:*

+ Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đầy đủ quy định về pháp luật tố tụng.

+ Về kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo L

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo L thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Cụ thể là đã móc nối với Đ1 đưa chị L1 sang Trung Quốc bán cho 01 người đàn ông Trung Quốc làm vợ với giá 68.000 tệ (tiền Trung Quốc, tương đương khoảng 200.000.000 đồng Việt Nam). Hành vi của bị cáo L gây nguy hiểm cho xã hội; xâm phạm nghiêm trọng đến nhân phẩm, danh dự, quyền tự do, quyền làm người của chị L1. Tòa án nhân dân thành phố B căn cứ Điểm a, d khoản 2 Điều 150 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 xét xử bị cáo L 09 năm tù về tội “Mua bán người” là có căn cứ đúng người, đúng pháp luật. Không nặng như kháng cáo của bị cáo, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo L và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị cáo Trần Thị Kim L làm trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Trần Thị Kim L về việc xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo L thừa nhận hành vi phạm tội của mình như án sơ thẩm đã nêu. Thể hiện: Khoảng tháng 10/2016 đến tháng 12/2016, sau khi quen biết với người phụ nữ Việt Nam tên Nguyễn Thị H đang sinh sống ở Trung Quốc (không rõ địa chỉ) và được H hứa hẹn trả tiền nếu đem phụ nữ Việt Nam qua Trung Quốc bán. Trần Thị Kim L móc nối với Ngô Thị Đ1 và hứa trả 5.000.000 đồng cho Đ1 nếu tìm được phụ nữ Việt Nam giao cho L. Ngô Thị Đ1 đã tìm và làm quen với chị Võ Thị Mỹ L1 sinh năm 1973, ngụ tại: 143A, ấp 1, tổ 3, xã A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (đã có chồng con). Sau đó Đ1 đã móc nối và tìm cách đưa chị L1 sang Trung Quốc bán cho 01 người đàn ông Trung Quốc làm vợ với giá 68.000 tệ (tiền Trung Quốc, tương đương khoảng 200.000.000 đồng Việt Nam). Số tiền bán được H chia cho L 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). L giữ lại 12.000.000 đồng tiêu xài, còn 8.000.000 đồng chia cho Ngô Thị Đ1. Đến ngày 02/9/2017, chị Võ Thị Mỹ L1 được tổ chức Phi Chính phủ Rừng Xanh giải cứu từ Trung Quốc và đưa về Việt Nam.

Hành vi của bị cáo L và Đ1 gây nguy hiểm cho xã hội; đưa nạn nhân là chị L1 ra khỏi biên giới của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; xâm phạm nghiêm trọng đến nhân phẩm, danh dự, quyền tự do, quyền làm người của chị L1; làm ảnh hưởng xấu đến tinh thần, sức khỏe và hạnh phúc gia đình của chị L1. Đây là vụ án đồng phạm trong đó bị cáo L là chủ mưu, còn bị cáo Đ1 là người thực hiện tích cực. Tòa án nhân dân thành phố B căn cứ Điểm a, d khoản 2 Điều 150 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 xét xử bị cáo L về tội “Mua bán người” là có căn cứ đúng người, đúng pháp luật; đồng thời Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 tuyên phạt bị cáo L mức án 09 năm tù là phù hợp tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo kháng cáo nhưng không bổ sung tình tiết mới, do đó không có căn cứ xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo L, vì vậy cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Quan điểm và đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Áp dụng điểm a, d Khoản 2 Điều 150, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị Kim L, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 03/2019/HS-ST ngày 03/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B.

2. Xử phạt Bị cáo **Trần Thị Kim L 09 (chín) năm tù** về tội “Mua bán người”, thời hạn tù tính từ ngày 21/7/2018.

3. Bị cáo Trần Thị Kim L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND, VKSND TP Biên Hòa;
- Công an TP Biên Hòa;
- Thi hành án dân sự TP Biên Hòa;
- Phòng PV27-Công an tỉnh Đồng Nai;
- Nhà tạm giữ;
- Bị cáo, đương sự trong vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký tên và đóng dấu)

Bùi Kim Rết

- Lutu HS, VP.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thế Phương

Võ Thị Thanh Phượng

Bùi Kim Rết